

Bản án số: 119/2018/DS-PT
Ngày: 18/10/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng thuê
khoán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Nguyệt

Ông Trịnh Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Thế Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2017/TLDS-PT ngày 27 tháng 6 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐD bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 193/2018/QĐ-PT ngày 25/7/2018; Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số: 644/TB-TA ngày 01/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Thôn x, xã ĐR, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Tám Ph, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: Phòng x, Tòa nhà Ty, khu đô thị TCT – Số z đường NTMK, phường VT, Quận HBT, Thành phố Hà Nội. (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/5/2017).

Địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH Tâm A – Tầng z, nhà C, số y HN, Quận ĐD, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn A.

Địa chỉ trụ sở: Thôn CS, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông YKI, sinh năm: 1941 - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc Kh, sinh năm: 1966.

Thường trú: Số x CT TĐ, phường y, Quận z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số x CB, phường CÔL, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền số 08/2017/GUQ ngày 08/7/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Hồ Đình Hoàng M là Luật sư của Công ty Luật TNHH Hoàng Minh Q thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh –Địa chỉ: Số x CB, phường CÔL, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do có kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đ - Nguyên đơn; Công ty trách nhiệm hữu hạn A - Bị đơn.

(Anh Đ, ông Ph, ông Kh, luật sư M có mặt; các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/8/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/7/2016 của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ và những lời khai của Anh Đ trong quá trình giải quyết vụ án thì:

Ngày 01/12/2011, giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn A (sau đây gọi tắt là Công ty) và anh đã ký hợp đồng khoán chăm sóc 20 ha cây cà phê, đến ngày 02/12/2011 hai bên lại tiếp tục ký hợp đồng khoán chăm sóc cây cà phê thứ 2 nhưng nội dung thỏa thuận, quyền lợi và nghĩa vụ của các bên vẫn không thay đổi. Chung loại là cà phê Arabica.

Tuy nhiên, thực tế trong 20 ha thì có khoảng 01 ha cà phê Robusta, còn lại là cà phê Catimo. Thời hạn hợp đồng là 10 năm, tính từ ngày 05/12/2011 đến ngày 05/12/2021. Quyền lợi và nghĩa vụ của anh là chịu toàn bộ chi phí chăm sóc, trồng dặm tĩa những cây chết, cây còi cọc, héo lá; mỗi năm phải nộp sản lượng 20 tấn cà phê Arabica tươi, loại chín đỏ đẹp, sản lượng còn lại được hưởng và sẽ bán lại cho Công ty theo giá hai bên thỏa thuận, nếu Công ty không thu mua thì anh được bán ra ngoài, trường hợp không nộp đủ sản lượng thì sẽ bị phạt phải nộp 40 tấn cà phê, anh chỉ được đi lại trong khu vực 20 ha cà phê. Quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty là giao 20 ha cà phê Arabica cho anh và hàng năm được thu sản lượng 20 tấn cà phê Arabica tươi, loại chín đỏ đẹp do anh nộp.

Trong cả hai bản hợp đồng này đều không quy định anh được trồng xen các loại cây trồng khác vào diện tích 20 ha cà phê và cũng không cấm anh không được trồng xen cây trồng khác ngoài cây cà phê vào diện tích 20 ha cà phê đã nhận thuê khoán. Anh chính thức nhận 20 ha cà phê của Công ty từ ngày

05/12/2011, khi nhận thì các bên không lập biên bản đánh giá lại hiện trạng toàn bộ tài sản thuê khoán, cũng không kiểm đếm lại số cây đã bị héo lá, chết, còi cọc.

Sau đó, trong năm 2012 anh đã trồng mới 30.000 cây (6ha) cà phê Catimo, trồng rải rác trong diện tích 20 ha; năm 2013 trồng mới toàn bộ diện tích tại lô B1, B2, B5 khoảng 25.000cây (5 ha); năm 2014 trồng dặm 20% vào 5ha đã trồng mới năm 2013.

Khi trồng dặm, trồng mới anh có thông báo bằng miệng cho Công ty nhưng giữa anh và Công ty không lập biên bản để ghi nhận việc trồng dặm, trồng mới này. Từ khi nhận 20 ha cà phê của Công ty, anh đã đầu tư số tiền để chăm sóc vườn cà phê trong năm 2012 là 1.691.000.000đồng, năm 2013 là 1.954.835.000đồng, năm 2014 là 2.029.570.000đồng (tổng cộng là 5.675.405.000đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng thì tháng 9 năm 2013, anh có trồng xen cây khoai tây vào lô B2, B5, đến tháng 3/2014 trồng xen cà pháo, xà lách trên lô B2, đến tháng 5/2014 trồng xen cây măng tây và đậu trắng trên lô B1, B5. Khi trồng xen các cây rau màu anh có xin phép Công ty và được sự đồng ý của Công ty nhưng không lập biên bản thể hiện việc Công ty cho anh trồng xen các cây rau màu.

Ngày 11/6/2014, anh nhận được thư nhắc nhở của Công ty về việc không cho trồng cây rau màu vào diện tích 20ha cà phê, anh đã gửi thư phản hồi cho Công ty về việc trồng xen cây rau màu khác để cải tạo đất vì lúc này cây cà phê còn nhỏ, đất đang nghèo dinh dưỡng nhưng không thấy Công ty phản hồi lại và từ thời điểm này anh không trồng xen mới bất cứ một cây gì khác vào khu vực 20ha cà phê.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện hợp đồng anh đã đầu xây dựng nhà kho khoảng 35m², mua sắm máy móc, vật tư thiết bị để chăm sóc cà phê với số tiền tổng cộng 428.775.000đồng, hiện nay các tài sản này đang ở khu vực 20ha cà phê như trong biên bản định giá ngày 20/9/2016 đã xác định. Anh đã nộp đầy đủ sản lượng cà phê đến hết năm 2014 nhưng vào ngày 07/01/2015, Công ty đã tự ý chấm dứt hợp đồng mà không có thông báo trước cho anh, từ 16 giờ ngày 07/01/2015, Công ty đã yêu cầu anh và toàn bộ công nhân của anh ra khỏi Công ty. Lý do đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phía Công ty cho rằng anh đã trồng xen cây rau màu vào diện tích 20 ha cà phê nhận thuê khoán. Việc Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng với anh là trái với nội dung của hợp đồng, vi phạm pháp luật, gây thiệt hại rất lớn cho anh.

Nay anh yêu cầu Công ty phải bồi thường số tiền 50.677.173.000đồng (gồm chi phí khoản tiền lỗ của các năm 2012, 2013, 2014 là 4.855.187.000đồng, khoản lợi nhuận của các từ năm 2015 đến 2021 là 45.821.986.000đồng) và

428.775.000đồng tiền thiệt hại về tài sản, tổng cộng là 51.105.948.000đồng. Số cà phê khô vỏ, nhà kho và máy móc thiết bị như trong biên bản định giá đã ghi nhận thì anh đồng ý giao cho Công ty sở hữu, anh thống nhất với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả định giá, ngoài ra anh không còn yêu cầu nào khác.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trong quá trình tố tụng trình bày:

Ngày 28/02/2007, Công ty TNHH A ký hợp đồng thuê ông Nguyễn Phùng D trồng 20ha cà phê trên phần đất thuộc thửa 82, tờ bản đồ số 02 (Nông trường bò sữa), xã T T, huyện ĐD, sau đó ký phụ lục hợp đồng ngày 09/7/2007 với ông D trồng thêm 02ha cà phê Catimo. Khi ông D trồng xong đã giao lại toàn bộ cây cà phê cho Công ty quản lý chăm sóc.

Ngày 02/12/2011, Công ty ký hợp đồng khoán chăm sóc cây cà phê với anh Nguyễn Văn Đ, Anh Đ sẽ chăm sóc 20 ha cà phê của Công ty mà trước đây đã thuê ông D trồng, còn 02 ha cà phê nữa nằm riêng ở vị trí khác thì Công ty tự chăm sóc. Tuy trong hợp đồng ghi là cà phê Arabica nhưng thực tế là 03 loại cà phê gồm Arabica (01 ha), Robusta (01 ha) còn lại là Catimo nhưng theo phía Công ty thì cà phê Robusta và Catimo cũng là loại cà phê Arabica.

Hợp đồng khoán chăm sóc 20 ha cây cà phê ngày 01/12/2011 và ngày 02/12/2011 đúng là do người có thẩm quyền của Công ty ký. Tuy nhiên, Công ty đề nghị Tòa án căn cứ vào hợp đồng số 01122011-AP đề ngày 02/12/2011 để giải quyết vụ án. Thời hạn hợp đồng là 10 năm, tính từ ngày 05/12/2011 đến ngày 05/12/2021. Nghĩa vụ của Anh Đ là chịu toàn bộ chi phí chăm sóc 20 ha cà phê mà Công ty đã giao, trồng dặm những cây chết, cây còi cọc, héo lá, mỗi năm phải nộp sản lượng 20 tấn cà phê tươi (không cần phân biệt mỗi loại cà phê bao nhiêu tấn), sản lượng còn lại thì Anh Đ được hưởng và sẽ bán lại cho Công ty theo giá hai bên thỏa thuận. Anh Đ chỉ được đi lại trong khu vực 20 ha cà phê.

Mặc dù, trong hợp đồng không ghi, nhưng Công ty không cho phép Anh Đ được trồng các cây nào khác ngoài cây cà phê (trồng dặm thay thế cây còi cọc, chết, héo lá). Công ty chính thức bàn giao 20 ha cà phê cho Anh Đ vào ngày 05/12/2011, khi bàn giao hai bên không lập biên bản ghi nhận hiện trạng. Quá trình Anh Đ trồng dặm, thay thế cây cà phê chết không báo với Công ty nên Công ty không nắm rõ Anh Đ trồng được bao nhiêu cây; theo phía Công ty tính thì trong thời gian quản lý 20 ha cà phê nói trên Anh Đ chỉ trồng mới được khoảng 5ha cà phê Catimo với mật độ 5.000cây/01 ha, Công ty cũng không xác định được trồng tập trung hay trồng bù vào những cây đã chết.

Việc Anh Đ cho rằng đã đầu tư tổng chi phí từ năm 2012 đến năm 2014 là 5.675.405.000đồng thì phía Công ty không đồng ý. Công ty cũng thừa nhận Anh Đ đã nộp đủ sản lượng theo hợp đồng đến hết năm 2014. Từ tháng 03/2014, Anh

Đ đã trồng xen kẽ cây cà pháo dưới tán cây cà phê, lúc này Công ty có yêu cầu Anh Đ chấm dứt trồng cây cà pháo. Tuy nhiên, không lập biên bản.

Do Anh Đ không thực hiện yêu cầu nên ngày 11/6/2014 Công ty đã gửi thư nhắc nhở, Anh Đ đã ký nhận thư, trong thư nhắc nhở này Công ty có ghi là nếu Anh Đ vi phạm lần nữa thì Công ty sẽ chấm dứt hợp đồng thuê khoán chăm sóc cây cà phê giữa hai bên. Tuy nhiên, đến tháng 11/2014 Anh Đ lại tiếp tục vi phạm, đã trồng măng tây nên Công ty đã chụp lại hiện trường.

Vì vậy, đến ngày 07/01/2015 Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không báo trước cho Anh Đ. Lý do Công ty không báo trước là vì trong thư nhắc nhở ngày 11/6/2014, Công ty gửi cho Anh Đ đã nói rõ nếu Anh Đ còn vi phạm thì sẽ bị Công ty thanh lý hợp đồng. Công ty thừa nhận, Anh Đ có xây một nhà kho trên diện tích đất cà phê thuê khoán, còn các nông cụ, máy móc phục vụ sản xuất như Anh Đ trình bày thì Công ty không nắm rõ. Công ty cũng không biết trong nhà kho của Anh Đ xây có cà phê hay những tài sản gì khác không vì từ lúc rời khỏi Công ty đến nay thì Anh Đ đã khóa cửa kho và cầm chìa khóa, Công ty không có chìa khóa. Công ty đã nhiều lần yêu cầu Anh Đ đến Công ty lấy những tài sản của Anh Đ nhưng Anh Đ đều không tới. Công ty đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả định giá.

Nay Công ty không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Anh Đ. Đối với những tài sản mà Anh Đ đã đầu tư trên phạm vi 20 ha cà phê như biên bản định giá ngày 20/9/2016 đã ghi nhận thì đề nghị Anh Đ mang đi vì Công ty không có nhu cầu sử dụng, riêng về nhà kho thì Công ty đồng ý nhận sở hữu và sẽ thanh toán giá trị cho Anh Đ theo giá mà Hội đồng định giá đã định giá ngày 20/9/2016. Ngoài ra, phía Công ty không còn yêu cầu gì khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐD. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp về hợp đồng thuê khoán tài sản*” của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn A.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn A có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Văn Đ tiền số tiền 6.044.458.716 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ về việc buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn A phải thanh toán số tiền 45.061.489.284 đồng.

Giao cho Công ty trách nhiệm hữu hạn A được quyền sở hữu 28.902 cây cà phê Catimo do anh Nguyễn Văn Đ trồng năm 2012 và 2013 thuộc thửa đất số 82, tờ bản đồ số 02 (Nông trường bò sữa) xã T T, huyện ĐD.

Giao cho Công ty trách nhiệm hữu hạn A được quyền sở hữu 01 nhà kho (loại nhà tạm A) diện tích 27m² tọa lạc tại lô A3 thửa đất số 82, tờ bản đồ số 02

(Nông trường bò sữa) xã T T, huyện ĐD; 93 bao cà phê Catimo khô vỏ; 01 máy xới đất Kubota; 04 máy cắt cỏ; 02 máy xịt thuốc chạy xăng + dầu xịt, 02 bình điện phun thuốc; 01 bình xịt thuốc bằng inox; 08 cuộn dây xịt thuốc; 20 cuộn dây tưới nhỏ giọt; 104 cuộn dây ống tưới phi 21; 600 cây ống nhựa; 600 bép tưới; 13 cuộn dây ống tưới màu đen loại phi 60; 06 cuộn dây ống tưới màu đen loại phi 40; 01 van xả khí + đồng hồ đo áp lực; 01 bộ đĩa lọc 03 in; 01 mô tơ 15HP; 01 đầu bơm văn thể 4 (các tài sản này đã tạm giao cho phía Công ty trách nhiệm hữu hạn A quản lý từ ngày 20/9/2016).

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn A có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Văn Điền số tiền 1.500.000đồng.

3. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 153.061.500đồng tiền án phí tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 79.338.600đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007299 ngày 13/10/2015 và 10.575.500đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001098 ngày 05/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐD, Anh Đ còn phải nộp 63.147.400đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn A phải chịu 114.044.500đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên thời hạn kháng cáo cho các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án và lãi suất cho các đương sự.

Ngày 02/6/2017, bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn A kháng cáo đối với Bản án Dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐD là không đồng ý bồi thường cho Anh Đ và không đồng ý phần án phí, lệ phí. Bị đơn đề nghị cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận việc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn A đơn phương chấm dứt hợp đồng với Anh Đ là đúng pháp luật, không phải bồi thường cho nguyên đơn.

Ngày 08/6/2017, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ kháng cáo đối với Bản án Dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐD. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét theo hướng buộc bị đơn phải bồi thường số tiền là 50.938.276.500đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Kh là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn đề nghị xem xét tính hợp pháp của bản án sơ thẩm, vì Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật sai dẫn đến phán quyết sai, vì quan hệ giữa nguyên đơn và bị đơn là quan hệ kinh tế nên phải áp dụng Luật Thương mại và phải thụ lý giải quyết bằng một vụ án kinh tế. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tính hợp pháp của bản án mà

Tòa cấp sơ thẩm đã tuyên để hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, xem xét tính hợp pháp của bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện ĐD, để hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận định: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn; hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng vì: Việc ủy quyền cho ông Hoàng Ngọc L là vi phạm điều lệ của công ty TNHH A, trái quy định của Bộ luật dân sự; việc buộc bị đơn Công ty TNHH A bồi thường là phải căn cứ vào các chi phí thực tế trong việc đầu tư, chăm sóc vườn cà phê; căn cứ vào sản lượng thu hoạch cà phê thực tế để giải quyết mới đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử thì ngày 07/7/2017, Hội đồng thành viên Công ty TNHH A gồm có ông YKI; ông YLCh; ông WPH; ông Y,L-Ch; ông L, H-Ch đã tiến hành họp và quyết định: Chấp thuận cho ông YKI, chức vụ: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH A được ký “ Giấy ủy quyền” cho ông Trần Quốc Kh được đại diện và nhân danh Công ty TNHH A tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Như vậy, việc ủy quyền của ông YKI là phù hợp theo quy định trong Điều lệ Công ty TNHH A ngày 12/12/2006, cụ thể những người được ủy quyền đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH A tại Việt Nam gồm: ông WPH; ông HWR; ông Y,L-Ch; ông Y,L-Ch; ông L, H-Ch đã đồng ý ủy quyền lại cho ông Trần Quốc Kh và sự kiện pháp lý này làm chấm dứt việc ủy quyền theo văn bản ngày 20/9/2016 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH A cho chị LRY thay mặt Công ty TNHH A tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp với tư cách là đại diện bị đơn trong vụ án tranh chấp hợp đồng khoán chăm sóc vườn cà phê mà anh Nguyễn Văn Đ đang khởi kiện Công ty TNHH A.

Như vậy, việc ủy quyền của ông YKI cho ông Trần Quốc Kh được đại diện và nhân danh Công ty TNHH A tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân tỉnh Lâm

Đồng theo giấy ủy quyền ngày 07/7/2017 là đúng pháp luật nên Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn A (Công ty TNHH A) phải bồi thường thiệt hại tổng cộng là 51.105.948.000 đồng do đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê khoán tài sản; do Công ty TNHH A không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng thuê khoán tài sản*” và thụ lý bằng một vụ án dân sự là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bởi lẽ, Công ty TNHH A là Doanh nghiệp có vốn 100% nước ngoài, tiến hành ký kết các hợp đồng giao khoán trồng, chăm sóc cà phê đối với anh Nguyễn Văn Đ vào ngày 01/12/2011; ngày 02/12/2011 và ngày 05/12/2011. Thời hạn hợp đồng là 10 năm. Mỗi năm Anh Đ phải nộp sản lượng 20 tấn cà phê quả tươi và Anh Đ có nghĩa vụ chăm sóc, trồng dặm cà phê theo hợp đồng thỏa thuận. Như vậy, các bên tham gia ký kết hợp đồng đều có mục đích lợi nhuận và có tư cách chủ thể tham gia ký kết hợp đồng nên cần phải xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại nhưng Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết bằng vụ án dân sự là không đúng, từ đó dẫn đến việc áp dụng pháp luật về nội dung để giải quyết vụ án không đúng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[3] Theo Điều lệ Công ty TNHH A ngày 12/12/2006 (bản sao bút lục số 222 đến 237) thì người được ủy quyền đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH A tại Việt Nam gồm: ông WPH; ông HWR; ông Y,L-Ch; ông Y,L-Ch; ông Lin, Hou-Chih.

Ngoài ra, ngày 20/9/2016, Hội đồng thành viên Công ty TNHH A gồm có ông YKI; ông YLCh; ông WPH; ông Y,L-Ch và ông L, H-Ch đã tiến hành họp và ban hành Quyết định ủy quyền của Hội đồng thành viên Công ty TNHH A (Bút lục số 565). Theo đó Hội đồng thành viên quyết định ủy quyền cho chị LRY thay mặt Công ty TNHH A tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp, thời gian ủy quyền cho đến khi giải quyết xong vụ án. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, thì ngày 08/3/2017, cá nhân ông YKI là chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm tổng giám đốc Công ty TNHH A lại lập văn bản ủy quyền cho ông Hoàng Ngọc L tham gia tố tụng tại Tòa án (bút lục số 586) nhưng chưa được sự đồng ý của các thành viên Công ty.

Theo quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì: “*Người đại diện trong tố tụng dân sự bao gồm người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo ủy quyền. Người đại diện có thể là cá nhân hoặc pháp nhân theo quy định của Bộ luật dân sự*”. Theo quy định tại Điều 85 Bộ luật dân sự 2015 thì: “*Đại diện của pháp nhân có thể là đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền. Người đại diện của pháp nhân phải tuân theo quy định về*

đại diện tại Chương IX phần này”. Theo Điều 135 Bộ luật dân sự quy định về căn cứ xác lập quyền đại diện thì: “*Quyền đại diện được xác lập theo ủy quyền giữa người được đại diện và người đại diện (sau đây gọi là đại diện theo ủy quyền); theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, theo điều lệ của pháp nhân hoặc theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là đại diện theo pháp luật).*”

Như vậy, trong điều lệ hoạt động của Công ty TNHH A có quy định việc ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp tại Việt Nam và đây là ý chí của các thành viên công ty nên việc ủy quyền phải thực hiện theo các quy định của điều lệ hoạt động của công ty.

Xét thấy, theo Quyết định ủy quyền của Hội đồng thành viên Công ty TNHH A ngày 20/9/2016 (Bút lục số 565) thì Hội đồng thành viên quyết định ủy quyền cho chị LRY thay mặt Công ty TNHH A tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp cho đến khi giải quyết xong vụ án. Đến thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm xét xử thì quyết định ủy quyền của Hội đồng thành viên Công ty TNHH A ngày 20/9/2016 vẫn còn hiệu lực pháp luật.

Đến ngày 08/3/2017, ông YKIlại lập văn bản ủy quyền với tư cách cá nhân cho ông Hoàng Ngọc L tham gia tố tụng tại Tòa án (bút lục số 586) mà không được sự đồng ý của các thành viên trong Hội đồng quản trị là trái với điều lệ Công ty TNHH A ngày 12/12/2006.

Như vậy, trong vụ án này việc ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng phải được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên Công ty, cá nhân ông YKIkhông được thực hiện việc ủy quyền. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận để ông Hoàng Ngọc L tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH A là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[4] Về nội dung: Do nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải bồi thường một số tiền rất lớn, do đó khi xem xét giải quyết vụ án phải căn cứ vào tổng các chi phí thực tế mà nguyên đơn đã đầu tư, cụ thể: Số lượng cây cà phê do nguyên đơn trồng mới, trồng dặm; chi phí cho việc chăm sóc, thu hoạch cà phê cho tới khi bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng; sản lượng thu hoạch thực tế hàng năm tính từ thời điểm ký kết hợp đồng đến khi hợp đồng bị chấm dứt và lỗi của các bên dẫn đến việc đơn phương chấm dứt hợp đồng, từ đó mới có căn cứ để giải quyết vụ án đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được vì vậy cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại theo thủ tục chung là có căn cứ. Do hủy án sơ thẩm nên chưa xem xét đến nội dung kháng cáo của các đương sự.

[5] Về chi phí tố tụng:

Tổng chi phí tố tụng là: 8.880.000 đồng. Trong đó, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tại giai đoạn sơ thẩm Anh Đ đã quyết toán là 3.000.000 đồng; chi phí định giá tại giai đoạn phúc thẩm Anh Đ đã quyết toán là 3.530.000 đồng; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại giai đoạn phúc thẩm ông Kh là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn đã quyết toán là 2.350.000 đồng nộp.

Do hủy bản án sơ thẩm nên chi phí tố tụng sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi thụ lý giải quyết lại vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn Đ đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là số tiền 79.338.600 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007299 ngày 13/10/2015; số tiền 10.575.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001098 ngày 05/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐD. Số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm sẽ được Tòa án nhân dân huyện ĐD xem xét khi thụ lý giải quyết lại vụ án.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền 200.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003553 ngày 09/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐD;

- Trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn A số tiền 200.000 đồng do ông Hoàng Ngọc L đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm thay cho bị đơn theo biên lai thu số 0003547 ngày 02/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐD.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Pháp lệnh về lệ phí, án phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Pháp lệnh về lệ phí, án phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Hủy toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐD về việc “*Tranh chấp về hợp đồng thuê khoán tài*

sản” của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn A.

- Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện ĐD thụ lý và giải quyết lại theo quy định.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Đ đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là số tiền 79.338.600 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007299 ngày 13/10/2015; số tiền 10.575.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001098 ngày 05/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐD. Số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm sẽ được Tòa án nhân dân huyện ĐD xem xét khi thụ lý giải quyết lại vụ án.

3/ Về án phí dân sự phúc thẩm: - Trả lại cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền 200.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003553 ngày 09/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐD;

- Trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn A số tiền 200.000 đồng do ông Hoàng Ngọc L đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm thay cho bị đơn theo biên lai thu số 0003547 ngày 02/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐD.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND H. ĐD;
- Chi cục THADS H. ĐD;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Hữu Nhân

